

Bản án số: 15/2020/KDTM-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2020
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em
2. Bà Tống Thị Kim Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH K; địa chỉ: Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Cheng Man H; chức vụ: Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tấn V và bà Trần Thị Kim D (Văn bản ủy quyền lập ngày 28/5/2020)(Có mặt);

Bị đơn: Công ty TNHH C; địa chỉ: Số 50 đường Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông (Bà) Zhou, Xiaoping; chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Tấn đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 01/12/2016, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn C đã ký kết Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hóa số HCM/SA/01/2017/018.

Nội dung công việc:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn K cung cấp và Công ty Trách nhiệm hữu hạn C sử dụng dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế.

Cước phí vận chuyển được tính theo bảng giá thoả thuận tại Phụ lục 01, 02, 03 và 04.

Theo thoả thuận tại Điều 5 của Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hóa số HCM/SA/01/2017/018 được ký ngày 01/12/2016, thì:

“Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán cước phí dịch vụ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn C có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản cước phí theo thông báo cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K. Trường hợp chậm thanh toán, Công ty Trách nhiệm hữu hạn C sẽ phải chịu lãi suất theo quy định của ngân hàng là 1.5%/tháng.”

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K đã cung cấp đúng và đầy đủ theo nội dung thoả thuận của HCM/SA/01/2017/018 được ký ngày 01/12/2016, đồng thời cũng tiến hành thực hiện đầy đủ các quy trình thống kê, tổng hợp cước phí dịch vụ phát sinh mỗi tháng; đối chiếu, gửi email xác nhận công nợ và xuất hoá đơn giá trị gia tăng (gồm các hoá đơn: số 0002429 ngày 20/03/2017; số 0004124 ngày 15/04/2017; số 0008213 ngày 09/06/2017; số 0012584 ngày 09/08/2017; số 0015901 ngày 27/09/2017; số 0015965 ngày 28/9/2017) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C đến tháng 08/2017.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, đã quá thời hạn thanh toán đến hơn 24 tháng và phía Công ty Trách nhiệm hữu hạn C vẫn không thực hiện thanh toán cước phí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K. Ngoài ra, đối với dịch vụ phát sinh vào tháng 09 và tháng 10 năm 2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K có gửi email xác nhận công nợ, liên hệ điện thoại và gửi thư tín theo đường bưu điện, nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn C, do vậy đối với dịch vụ chuyển phát phát sinh vào tháng 09 và tháng 10 năm 2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K chưa thể xuất hoá đơn cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng số HCM/SA/01/2017/018 được ký ngày 01/12/2016 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn C về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ chuyển phát nhanh, Công ty Trách nhiệm hữu hạn C chưa thanh toán đầy đủ phần công nợ liên quan đến cước phí vận chuyển cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K. Cụ thể, cước phí Công ty Trách nhiệm hữu hạn C còn chậm thanh toán là 842.550.299 đồng (Tám trăm bốn mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm chín mươi chín đồng).

Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K đề nghị Toà án xem xét và giải quyết: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải thanh toán đầy đủ cước phí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K là 842.550.299 đồng (Tám trăm bốn mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm chín mươi chín đồng), đồng thời yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn C trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất là 1.5%/tháng, tương ứng với thời gian chậm trả tạm tính đến ngày 29/5/2020 là 415,371,128 đồng.

Tổng số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K tạm tính đến ngày 29/5/2020 là 1,257,921,427 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt triệu tập, niêm yết hợp lệ, các văn bản tố tụng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, gồm: Giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty TNHH C vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn K rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty TNHH C thanh toán tiền nợ gốc và lãi đối với dịch vụ phát sinh trong tháng 9 và tháng 10 năm 2017 do chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn. Chỉ yêu cầu Công ty TNHH C thanh toán nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/5/2020 là 1.077.328.747 đồng, cụ thể nợ gốc 706.677.406 đồng và nợ lãi là 370.651.341 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty TNHH K khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dịch vụ đối với Công ty TNHH C; địa chỉ: Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai của nguyên đơn, và các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Công ty TNHH K khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn C thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến 29/5/2020 tổng cộng là 1.257.921.427 đồng theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hoá số HCM/SA/01/2017/018 và Cước phí vận chuyển được tính theo bảng giá thỏa thuận tại Phụ lục 01, 02, 03 và 04.

Tại phiên tòa sơ thẩm rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.077.328.747 đồng, cụ thể nợ gốc 706.677.406 đồng và nợ lãi là 370.651.341 đồng. Yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Xét về số nợ phải trả: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn C ký kết Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hoá số HCM/SA/01/2017/018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K đã cung cấp đúng và đầy đủ theo nội dung thỏa thuận của HCM/SA/01/2017/018 được ký ngày 01/12/2016, đồng thời cũng tiến hành thực hiện đầy đủ các quy trình thống kê, tổng hợp cước phí dịch vụ phát sinh mỗi tháng; đối chiếu, gửi email xác nhận công nợ và xuất hoá đơn giá trị gia tăng (gồm các hoá đơn: số

0002429 ngày 20/03/2017; số 0004124 ngày 15/04/2017; số 0008213 ngày 09/06/2017; số 0012584 ngày 09/08/2017; số 0015901 ngày 27/09/2017; số 0015965 ngày 28/9/2017) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C đến tháng 08/2017.

Xét thấy, Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ vận chuyển hàng hoá số HCM/SA/01/2017/018 và các phụ lục 01, 02, 03 và 04, đảm bảo về mặt hình thức và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó được công nhận và có giá trị thực hiện với các bên. Nguyên đơn đã cung cấp đúng và đầy đủ theo nội dung thoả thuận của HCM/SA/01/2017/018 được ký ngày 01/12/2016, đồng thời cũng tiến hành thực hiện đầy đủ các quy trình thống kê, tổng hợp cước phí dịch vụ phát sinh mỗi tháng; đối chiếu, gửi email xác nhận công nợ và xuất hoá đơn giá trị gia tăng (gồm các hoá đơn: số 0002429 ngày 20/03/2017; số 0004124 ngày 15/04/2017; số 0008213 ngày 09/06/2017; số 0012584 ngày 09/08/2017; số 0015901 ngày 27/09/2017; số 0015965 ngày 28/9/2017) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C đến tháng 08/2017.

Tuy nhiên, đến nay, đã quá thời hạn thanh toán đến hơn 24 tháng và phía Công ty Trách nhiệm hữu hạn C vẫn không thực hiện thanh toán cước phí cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K số tiền 706.677.406 đồng (Bảy trăm lẻ sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng). Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền đã nhận là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi 1.5%/tháng, tương ứng với thời gian chậm trả tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án ngày 29/5/2020 tổng cộng 370.651.341 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu sáu trăm năm mươi một nghìn ba trăm bốn mươi một đồng) là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 85, Điều 87, Điều 306 của Luật Thương mại;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K:

1.1 Đình chỉ yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn C thanh toán số tiền nợ gốc 135.872.893 đồng và nợ lãi 59.308.518 đồng phí dịch vụ tháng 9 và tháng 10 năm 2017.

1.2 Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn C thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K số tiền nợ phí dịch vụ vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng số HCM/SA/01/2017/018 và các phụ lục 01, 02, 03 và 04 là 1.077.328.747 đồng (Một tỉ không trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc 706.677.406 đồng (Bảy trăm lẻ sáu triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng), tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tạm tính đến ngày 29/5/2020 là 370.651.341 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu sáu trăm năm mươi một nghìn ba trăm bốn mươi một đồng) một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

1.3 Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn K có đơn yêu cầu thi hành án nếu, chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 44.319.862 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu ba trăm mười chín nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng). Công ty Trách nhiệm hữu hạn K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại 23.278.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0032197 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q7;
- Mỗi đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (Thùy Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Viết Bình

